

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể
quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính
phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021
- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy hoạch tỉnh Ninh
Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh Ninh Thuận bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Ninh Thuận và không gian biển được xác định theo Luật Biển

Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. Quan điểm phát triển

1. Quy hoạch tỉnh phải bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; phù hợp với các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch ngành quốc gia; các quy hoạch Vùng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025;

2. Khát vọng phát triển, vươn lên mạnh mẽ; phát triển nhanh gắn liền với tăng trưởng xanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh; đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển nền kinh tế số và tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cải thiện môi trường đầu tư, khoa học công nghệ và phát huy yếu tố con người, xem con người là trung tâm của sự phát triển;

3. Phát huy lợi thế địa lý của tỉnh là cửa ngõ kết nối các vùng: Đông Nam Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh Nam Tây Nguyên; xây dựng các liên kết phát triển giữa Ninh Thuận với vùng và các địa phương lân cận; tập trung ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng trọng điểm theo hướng đồng bộ, kết nối cao, liên thông đa mục tiêu và tăng cường liên kết vùng;

4. Khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế so sánh, khác biệt về điều kiện tự nhiên, thiên nhiên như nắng, gió, biển, rừng; về lịch sử truyền thống cách mạng, đa văn hoá các điều kiện phát triển năng lượng tái tạo, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp đặc hữu, công nghệ cao, kinh tế biển, kinh tế đô thị...tạo những sản phẩm hấp dẫn và giá trị khác biệt để phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

5. Phát huy tối đa yếu tố con người; coi trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng cho yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; gắn giáo dục, đào tạo đội ngũ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật với thị trường sức lao động; coi trọng giáo dục phổ cập để nâng cao trình độ dân trí của dân cư, đặc biệt là dân cư vùng nông thôn, miền núi, vùng ven biển; coi trọng việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, các nhà doanh nghiệp và công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của quá trình phát triển;

6. Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc trong tỉnh; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường;

7. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; khắc phục các tác động tiêu cực của các xu thế kinh tế quốc tế và khu vực.

III. Tầm nhìn chiến lược và mục tiêu phát triển

1. *Tầm nhìn chiến lược*: Ninh Thuận sẽ trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng, thịnh vượng, với tầm nhìn chiến lược “*Ninh Thuận - Miền đất hội tụ những giá trị khác biệt*”.

2. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, kinh tế biển, kinh tế đô thị là động lực, đưa quy mô nền kinh tế đến năm 2025 tăng 1,9 lần và đến năm 2030 tăng 3,65 lần so với năm 2020. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đến năm 2025, là tỉnh phát triển khá của khu vực và cả nước, là một trong những trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước. Đến năm 2030, trở thành tỉnh có mức thu nhập bình quân thuộc nhóm trung bình cao của cả nước. Đến năm 2045, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Đến năm 2050, Ninh Thuận sẽ trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển đạt mức cao so với các địa phương khác trong cả nước; một tỉnh xanh và có môi trường sống tốt, phát triển bền vững.

3. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

a) *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng GRDP cả giai đoạn 2021 - 2030 bình quân 10 - 11%/năm; Cơ cấu kinh tế năm 2030: nông nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12 - 13%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 53 - 54%; các ngành dịch vụ chiếm khoảng 34 - 35%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 2 - 3% trên tổng GRDP của tỉnh; GRDP bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng vào năm 2030. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GRDP đạt 50%. Năng suất lao động đến năm 2030 đạt 280 triệu đồng/lao động; tỷ lệ lao động có việc làm đạt 80 - 85% tổng số lao động trong độ tuổi lao động. Huy động vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 270 - 280 nghìn tỷ đồng. Kinh tế số đến năm 2030 đạt khoảng 30% GRDP.

b) *Về văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế*: Quy mô dân số trung bình đạt 706 ngàn dân. Cơ cấu lao động: Khu vực nông nghiệp và thủy sản chiếm 20%; công nghiệp - xây dựng chiếm 55%; dịch vụ chiếm 25%. Chỉ số phát triển con người HDI ≥ 0.7 . Tỷ lệ trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt $> 80\%$; mầm non $> 50\%$. Tỷ lệ các thiết chế văn hoá trên địa bàn được kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá của người dân đạt 70%. Số giường bệnh/vạn dân đạt trên 35 giường. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới) hàng năm giảm 1,5 - 2% và đến năm 2030 còn dưới 1,5%. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 10%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 75 - 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 40%.

c) *Về môi trường*: Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99,5%. Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%. 100% các khu, cụm công nghiệp, đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung; các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. Tỷ lệ độ che phủ rừng 49%.

d) *Về An ninh, Quốc phòng*: Phần đầu 100% xã, phường, thị trấn đạt cơ sở vững mạnh toàn diện. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng- an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

IV. Các lĩnh vực đột phá, động lực và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

1. Các lĩnh vực đột phá, động lực:

- 02 động lực phát triển: (1) Kinh tế biển; (2) Kinh tế đô thị;
- 01 Hạt nhân phát triển là Con người;
- 04 khâu đột phá: (1) Nâng cao năng lực cạnh tranh; (2) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khung; (3) Chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất, đổi mới sáng tạo và (4) Phát triển nguồn nhân lực.

2. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng, gồm 05 cụm ngành, lĩnh vực: (1) Năng lượng, Năng lượng tái tạo; (2) Du lịch chất lượng cao; (3) Công nghiệp chế biến, chế tạo; (4) Nông nghiệp công nghệ cao; (5) Xây dựng và kinh doanh bất động sản.

a) *Năng lượng, năng lượng tái tạo*: Tập trung khai thác các tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên nắng, gió để phát triển điện mặt trời, điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện khí LNG, thủy điện tích năng, nguồn năng lượng mới (hydro, thủy triều, sinh khối,...). Phát triển nguồn năng lượng Hydrogen xanh từ việc sử dụng năng lượng tự tiêu, năng lượng tái tạo tại chỗ hướng đến ngành công nghiệp xanh phù hợp với cam kết tại COP26. Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng truyền tải điện để xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm năng lượng, năng lượng tái tạo của cả nước.

b) *Du lịch chất lượng cao*: Phát triển ngành du lịch theo hướng “Bền vững - Đẳng cấp - Độc đáo”; vừa phát triển du lịch truyền thống, vừa tạo dựng các loại hình mới, độc đáo về khí hậu, khám phá sáng tạo để trở thành một trong các vùng du lịch trọng điểm quốc gia, du lịch nghỉ dưỡng trải nghiệm của khách trong nước và quốc tế; là điểm đến hấp dẫn, khác biệt, có sức cạnh tranh cao, trên cơ sở khai thác hiệu quả lợi thế tài nguyên du lịch hiện có và biến những hạn chế thành tiềm năng du lịch khác biệt; tập trung nguồn lực đầu tư phát triển khu du lịch Quốc gia Ninh Chữ; đưa dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

c) Công nghiệp chế biến, chế tạo: Phát triển cụm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với cảng biển và logistics theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường, tăng trưởng xanh. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp luyện kim, công nghiệp chế biến các sản phẩm đặc thù, tổ hợp sản xuất hóa chất sau muối để khai thác lợi thế về nguồn năng lượng tái tạo tại chỗ.

d) Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển sản xuất nông nghiệp tinh hiện đại, đồng bộ, năng suất, chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện môi trường, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, mở rộng thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu.

đ) Xây dựng và kinh doanh bất động sản:

- Phát triển ngành xây dựng đáp ứng nhu cầu đầu tư, xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của đô thị - nông thôn đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu, góp phần phát triển kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững, nâng cao chất lượng sống tại đô thị, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, có bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

- Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, bền vững, đa dạng các loại hình bất động sản nhà ở, thương mại, du lịch, công nghiệp,... phù hợp nhu cầu của thị trường với chất lượng tốt và giá cả hợp lý; ứng dụng công nghệ vào xây dựng, quản lý, kinh doanh bất động sản góp phần hiện đại hóa ngành xây dựng nói chung và thị trường bất động sản nói riêng của tỉnh Ninh Thuận ngày một phát triển.

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sạch. Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp dựa vào khoa học công nghệ gắn với hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển công nghệ cao, công nghệ hữu cơ cho các đối tượng cây trồng, vật nuôi đặc thù để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực định hướng thị trường xuất khẩu.

- Phát huy lợi thế về sản xuất giống thủy sản, hướng đến xây dựng Ninh Thuận trở thành Trung tâm sản xuất tôm giống chất lượng cao của cả nước.

- Tập trung trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phục hồi và quản lý nhằm nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

b) Ngành thương mại, dịch vụ

- Phát triển ngành thương mại, dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững; kết hợp hài hòa giữa phát triển loại hình thương mại truyền thống với các loại hình thương mại điện tử; phát triển các kênh phân phối hàng hóa theo hướng văn minh, hiện đại.

- Xây dựng, xúc tiến các mô hình triển lãm hội chợ, xây dựng, quảng bá thương hiệu về các sản phẩm dịch vụ thế mạnh của tỉnh tạo thuận lợi thúc đẩy liên kết phát triển vùng và các đối tác trong nước, quốc tế.

- Hình thành trung tâm logistics vùng gắn với cảng biển tổng hợp Cà Ná.

c) Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống, hỗ trợ nâng cao năng lực tiếp nhận và sử dụng các công nghệ mới.

d) Văn hóa - xã hội: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể. Tạo chuyên viên căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế; ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đào tạo trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng mở, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xây dựng phát triển y tế từng bước hiện đại, đồng bộ, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa giữa khám chữa bệnh với y tế dự phòng, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người dân. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chế độ chính sách người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội.

đ) An ninh quốc phòng: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; gắn phát triển kinh tế, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ; thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, liên thông kết nối, đa mục tiêu, cụ thể: Phát triển mạng lưới giao thông hợp lý, đảm bảo liên thông, kết nối vùng. Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Quan tâm xây dựng hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp. Phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ, bảo đảm kết nối với các nguồn điện mới. Đẩy mạnh số hóa hạ tầng số, phát triển mạng lưới di động băng rộng, ngầm hóa mạng cáp quang, phát triển các điểm truy cập internet không dây và internet công cộng. Sắp

xếp, bố trí mạng lưới trường lớp học phù hợp, đảm bảo đạt chuẩn quốc gia; sắp xếp mạng lưới cơ sở đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và số lượng đào tạo nguồn nhân lực. củng cố, phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng cao; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã, phường, xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo.

V. Định hướng phát triển không gian, lãnh thổ, đô thị

1. Định hướng về phát triển không gian, lãnh thổ đến năm 2030: Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế để ưu tiên đầu tư, làm đầu tàu lôi kéo các khu vực khác trong tỉnh phát triển, cụ thể:

- 4 vùng liên huyện gồm: (1) Vùng trung tâm là thành phố Phan Rang - Tháp Chàm hiện hữu và phụ cận; (2) Vùng phía Bắc bao gồm một phần quy mô ranh giới huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải; (3) Vùng phía Nam bao gồm huyện Thuận Nam và huyện Ninh Phước; (4) Vùng phía Tây bao gồm một phần ranh giới của huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái.

- 03 hành lang phát triển, gồm: (1) Hành lang phát triển đa dạng: dọc theo tuyến giao thông huyết mạch Bắc Nam của tỉnh kết nối với tuyến vành đai thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là khu vực có tiềm năng phát triển lớn nhất và đa dạng nhất trong tỉnh về đô thị, công nghiệp, nông nghiệp...; (2) Hành lang ven biển: dọc theo dải ven biển phát triển nông nghiệp, năng lượng và cảng biển, gắn với Khu dự trữ sinh quyển thế giới vườn quốc gia Núi Chúa; (3) Hành lang sinh thái: theo trục Đông - Tây, thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, năng lượng và du lịch trải nghiệm.

2. Về phát triển đô thị, nông thôn

- Về phát triển hệ thống đô thị: Đến năm 2025, tỉnh có từ 9 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; 02 đô thị loại IV; 06 đô thị loại V. Đến năm 2030, tỉnh có 12 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II là Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I trực thuộc Tỉnh; 4 đô thị loại IV; 07 đô thị loại V. Phát triển và hình thành 06 đô thị ven biển (Vĩnh Hy, Thanh Hải, Khánh Hải, Phan Rang - Tháp Chàm, Sơn Hải, Cà Ná) và hình thành dải ven biển phát triển theo cấu trúc không gian đan xen hỗn hợp đô thị du lịch về phía Bắc và phía Nam của tỉnh. Các định hướng phát triển và tổ chức không gian các khu đô thị du lịch, các khu chức năng được gắn kết với hướng phát triển của các đô thị ven biển. Trong đó, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thể dục thể thao của Tỉnh Ninh Thuận, là đô thị trung tâm của Tỉnh phát triển theo định hướng phát triển bền vững, xanh và thông minh, có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn: Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa của tỉnh và đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương. Việc sắp xếp, bố trí không gian phát triển nông thôn bảo đảm tiết

kiệm quỹ đất, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện điều kiện vật chất cho người dân, gắn với các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nâng cấp mô hình làng, xã, bản, tạo thuận lợi trong sản xuất và có tính lâu dài, tránh các vùng có nguy cơ sạt lở cao, vùng thường xảy ra lũ quét. Đến năm 2030, tỉnh Ninh Thuận có 11 trung tâm cụm xã (thị tứ).

VI. Phương án tổ chức không gian phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Khu kinh tế: Dự kiến thành lập khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tỉnh khi đủ điều kiện theo quy định và đảm bảo về chỉ tiêu đất đai do Quốc gia phân bổ để khai thác tiềm năng lợi thế về kinh tế biển nhằm huy động tối đa nguồn lực để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội Tỉnh.

2. Khu, cụm công nghiệp: Bố trí các khu, cụm công nghiệp tại các vị trí kết nối giao thông thuận lợi, đảm bảo các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, các dịch vụ phục vụ người lao động. Khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là nơi tập trung công nghiệp, cảng biển, năng lượng, logistic Cà Ná. Đến năm 2030, quy hoạch 4 Khu công nghiệp với diện tích khoảng 1.683 ha; quy hoạch 19 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 770 ha (dự kiến mở rộng khu công nghiệp Cà Ná khi được bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất)

VII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai: Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Thực hiện chuyển đổi một phần đất nông nghiệp để lấy quỹ đất phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đưa vào khai thác có hiệu quả đất chưa sử dụng, ngăn chặn tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lấn chiếm gây hủy hoại môi trường.

VIII. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng tài nguyên; phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu

1. Bảo vệ môi trường: Phân vùng môi trường tỉnh Ninh Thuận theo 03 vùng chính, gồm: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt; Vùng hạn chế phát thải và Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

2. Đa dạng sinh học: Đẩy mạnh việc bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái rừng, biển cũng như các loài động vật, thực vật bản địa quý hiếm, nguồn gen sinh vật, văn hoá, lịch sử, cảnh quan; nghiên cứu khoa học; cung ứng dịch vụ môi trường và giáo dục môi trường theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên: Khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản, không làm ảnh hưởng môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn. Ưu tiên thăm dò, khai thác, chế biến quy mô công nghiệp các điểm mỏ có trữ lượng lớn, nhằm cung cấp ổn định,

lâu dài vật liệu xây dựng thông thường cho các vùng có nhu cầu lớn. Khai thác gắn liền với chế biến, phục hồi môi trường. Áp dụng công nghệ tiết kiệm nguyên nhiên liệu, hạn chế ô nhiễm môi trường khi khai thác.

4. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra: Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (i) Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (ii) Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp; (iii) Đảm bảo cung cấp nước cho nuôi trồng thủy sản; (iv) Đảm bảo cung cấp nước cho phát triển du lịch - dịch vụ; (v) Đảm bảo yêu cầu nước cho thủy điện, phát triển công nghiệp, ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

5. Phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu: Phân 04 vùng rủi ro thiên tai trên địa bàn, gồm: (i) Vùng nguy cơ ảnh hưởng bão; (ii) Vùng nguy cơ ảnh hưởng do lũ và ngập lụt; (iii) Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do hạn hán; (iv) Vùng có nguy cơ sạt lở. Thực hiện tốt công tác phòng, chống lũ trên các tuyến sông có phụ thuộc hệ thống sông Cái (Bắc hạ lưu sông Cái và Nam hạ lưu sông Cái). Xây dựng, nâng cấp hệ thống đê đảm bảo tiêu chuẩn phòng, chống lũ; và kết hợp làm đường giao thông.

IX. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Tập trung thu hút đầu tư các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tập trung triển khai các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan khác.

X. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư: Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ quỹ đất; đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đẩy mạnh đầu tư theo hình thức đối tác công tư và thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

3. Nhóm giải pháp về môi trường: Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường. Tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường, nhất là đầu tư xử lý chất thải; xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển: Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển, thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số, kinh tế số; Thực hiện có hiệu quả chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với địa phương khác. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu. Tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, cơ quan đại diện nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam. Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác, địa phương nước ngoài.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển các khu vực chức năng, phát triển đô thị, nông thôn: Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính Nhà nước: Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tài chính công; Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

8. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển: Tiếp tục thực hiện tốt công tác nhiệm vụ quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển; Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, hạn chế chồng chéo gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

9. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch: Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo

đồng bộ. Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật; hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG BỘ
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (cấp/làn xe)
A	Cao tốc, quốc lộ, đường ven biển hiện có			
I	Cao tốc			
1	Cao tốc Bắc - Nam (đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo)	Xã Phước Chiến	Xã Phước Hà	6 làn
II	Quốc lộ			
1	Quốc lộ 1	Xã Công Hải	Xã Phước Diêm	Cấp II, 4 làn xe
2	Quốc lộ 27	QL1A - Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm	Xã Lâm Sơn	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
3	Quốc lộ 27B	QL27 - Thị trấn Tân Sơn	Xã Phước Thành	Cấp III, 2-4 làn xe
III	Đường ven biển			
1	Đường ven biển (ĐT.701, ĐT.702)	QL1A - Xã Công Hải	QL1A - Phước Diêm	Cấp III, 2-4 làn xe
IV	Đường liên vùng			
1	Đường giao thông kết nối từ Cảng biển Cà Ná lên các tỉnh Nam Tây nguyên	Huyện Thuận Nam	Huyện Ninh Sơn	Cấp II, 6 làn xe
2	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (ĐT.709D)	Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Cấp II, 6 làn xe
B	ĐƯỜNG TỈNH			
I	Đường tỉnh giữ nguyên chiều dài tuyến			
1	Đường tỉnh 706	Xã Công Hải	Xã Phước Thành	Cấp IV, 2 làn xe
2	Đường tỉnh 710	Ngã ba An Long (ĐT.701)	Thôn Bầu Ngừ	Cấp III, 4 làn xe
II	Đường tỉnh điều chỉnh chiều dài tuyến			
1	Đường tỉnh 703	QL1A - Thị trấn Phước Dân	QL1A - Xã Bắc Phong	Cấp III, 4 làn xe
2	Đường tỉnh 704 (2 nhánh)	Huyện Ninh Hải	Xã Bắc Sơn	Cấp III, 4 làn xe

TT	Tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô quy hoạch (cấp/lần xe)
3	Đường tỉnh 705	QL1A- Xã Hộ Hải	ĐT.708 - Xã Mỹ Sơn	Cấp III, 2 - 4 làn xe
4	Đường tỉnh 707	Xã Quảng Sơn	Xã Phước Bình	Cấp IV, 2 làn xe
5	Đường tỉnh 707B	QL27 - Xã Mỹ Sơn	Xã Phước Hòa	Cấp III, 2 - 4 làn xe
6	Đường tỉnh 708	QL1A - Xã Phước Thuận	Xã Quảng Sơn	Cấp IV, 2 làn xe
7	Đường tỉnh 709	QL1A - Xã Phước Nam	Xã Quảng Sơn	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
8	Đường tỉnh 709B	Xã Nhị Hà	QL1A - Xã Phước Thuận	Cấp III-IV, 2-4 làn xe
III	Đường tỉnh quy hoạch bổ sung			
1	Đường tỉnh 701B (đường vành đai phía Đông Nam)	QL27- Xã Nhơn Sơn	Đường ven biển (ĐT.701)	4 làn xe
2	Đường tỉnh 702B (đường vành đai phía Bắc)	Đường ven biển (ĐT.702)	QL27- Xã Nhơn Sơn	4 làn xe
3	Đường tỉnh 705B (Đường nối cao tốc về TP PRTC)	QL27- Xã Nhơn Sơn	Đường Trường Chinh	Cấp II, 6 làn xe
4	Đường tỉnh 709C (Đường nối cao tốc với QL1 và cảng Cà Ná)	Xã Nhị Hà	Xã Phước Diêm	Cấp II, 6 làn xe
5	Đường tỉnh 709D	Giao QL27 và QL27B - Thị trấn Tân Sơn	Xã Ma Núi	Cấp III.mn, 2 làn xe
6	Tuyến kết nối tỉnh lộ 9	Xã Phước Thành	Tỉnh lộ 9 - tỉnh Khánh Hòa	Cấp IV, 2 làn xe

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên tuyến	Chiều dài (km)	Khổ đường
1	Nâng cấp tuyến Đường sắt Thống Nhất (Tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh)	Theo dự án đầu tư	1000mm
2	Xây dựng mới Đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt*	Theo dự án đầu tư	1000mm
3	Xây dựng mới Đường sắt nối cảng Cà Ná đến ga Cà Ná	Theo dự án đầu tư	1000mm

Ghi chú: * Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có quy định đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai sớm hơn.

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên tuyến	Địa điểm
1	Cảng hàng không Thành Sơn	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CẢNG BIỂN, CẢNG CÁ VÀ KHU
NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên cảng	Địa điểm	Năng lực tiếp nhận tàu
I	Cảng biển		
a	Quy hoạch mới		
1	Cảng tổng hợp Cà Ná	Huyện Thuận Nam	Theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ
2	Cảng Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải	Theo Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ
II	Cảng cá		
a	Hiện có		
	Cảng cá Đông Hải	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Loại II, 25.000 tấn
	Cảng cá Cà Ná	Huyện Thuận Nam	Loại II, 25.000 tấn
	Cảng cá Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải	Loại II, 25.000 tấn
	Cảng cá Mỹ Tân	Huyện Ninh Hải	Loại III, 15.000 tấn
b	Quy hoạch mới		
	Bến cá Sơn Hải	Huyện Thuận Nam	
	Bến cá Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải	
III	Khu neo đậu tránh trú bão		
a	Hiện có		
	Khu neo đậu tránh trú bão cửa sông Cái	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	3.200 tàu cá
	Khu neo đậu tránh trú bão cửa Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải	1.884 chiếc tàu, thuyền
	Khu neo đậu tránh trú bão Cà Ná	Huyện Thuận Nam	2000 tàu thuyền loại có chiều dài từ 15 m trở lên
	Khu neo đậu tránh trú bão Phú Thọ	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	2000 tàu thuyền loại có chiều dài từ 15 m trở lên
b	Quy hoạch mới		
	Khu neo đậu tránh trú bão Vịnh Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải	1.000 chiếc

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BẾN THỦY NỘI ĐỊA VÀ CẢNG CẠN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên bến thủy	Địa điểm
I	Bến thủy quy hoạch mới	
1	Bãi Kinh	Xã Vĩnh Hải
2	Vĩnh Hy	Xã Vĩnh Hải
3	Thái An	Xã Vĩnh Hải
4	Bình Sơn - Ninh Chũ	Phường Mỹ Bình - Phường Văn Hải
5	Đông Hải	Phường Đông Hải
6	Mũi Dinh	Xã Phước Dinh
7	Cà Ná	Xã Cà Ná
8	Bình Tiên	Xã Công Hải
9	Hòn Đỏ	Xã Nhơn Hải
10	Bến du thuyền Ninh Chũ	Thị trấn Khánh Hải
II	Cảng cạn mới	
1	Cảng cạn Cà Ná	Huyện Thuận Nam

Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. Phương án phát triển nguồn điện

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Quy mô, công suất dự kiến dự án đã được khảo sát	Quy mô, công suất tiềm năng
I.	Năng lượng tái tạo			
1.1	Thủy điện			
-	Thủy điện tích năng	MW	2.400	2.200
-	Thủy điện vừa và nhỏ	MW	440	
1.2	Điện gió			
-	Điện gió trên bờ và ngoài khơi	MW	3.429	29.000
1.3	Điện mặt trời	MW		
-	Điện mặt trời đấu lưới và tự tiêu tại chỗ	MW	4.000	8.800
	Trong đó: Tự tiêu tại chỗ	MW	1.400	2.000
1.4	Nguồn năng lượng khác			
-	Nguồn năng lượng LNG	MW	1.500	4.500
-	Nguồn điện sinh khối và NLTT khác (điện sinh khối, điện khí sinh học, điện rác)	MW	12	59

B. Phương án phát triển công trình trạm biến áp

TT	Tên trạm biến áp	MBA	Hiện tại		Quy hoạch	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
I	Trạm biến áp 500kV					
1	Ninh Sơn	AT1			900	500/220
		AT2			900	500/220
2	Thuận Nam	AT1			900	500/220
		AT2			900	500/220
		AT3			900	500/220
3	ĐGNK Ninh Thuận 1 (***)	AT1			900	500/220
II	Trạm biến áp 220kV					
1	Ninh Phước	AT1	250	22/110		
		AT2			250	220/110
		AT3				
1	Cà Ná	AT1			250	220/110
		AT2			250	220/110
		AT3				

TT	Tên trạm biến áp	MBA	Hiện tại		Quy hoạch	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
2	Đa Nhim	AT1	63	220/110	250	220/110
		AT2			125	220/110
3	ĐMT Phước Thái (*)	AT1			250	220/110
		AT2			250	220/110
		AT3			125	220/110
4	ĐMT Phước Dinh (*)	AT1				
		AT2				
		AT3				
5	Xây mới trạm cắt 220kV Đa Nhim				01	220/110
6	ĐGNK Ninh Thuận 3	AT1			250	220/110
		AT2			250	220/110
7	ĐGNK Ninh Thuận 4	AT1			250	220/110
		AT2			250	220/110
		AT3			250	220/110
8	TBA Đông Quán Thê 35/220kV-3x160MVA	AT1			160	35/220
		AT2			160	35/220
		AT3			160	35/220
9	Hàm Thuận Nam	AT1			250	220/110
		AT2			250	220/110
		AT3				
10	TĐ Hàm Thuận	AT1			125	35/220
		AT2				
11	TĐ Đa Nhim	AT1			250	35/220
		AT2			125	35/220
III	Trạm biến áp 110kV					
1	TBA Tháp Chàm	T1	40	110/22	63	110/22
		T2	40	110/22	63	110/22
2	TBA Ninh Hải	T1	40	110/22	63	110/22
		T2	25	110/22	63	110/22
3	TBA KCN Du Long	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
4	TBA Mỹ Phong	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
5	TBA Bình Tiên	T1			25	110/22
		T2			25	110/22
6	TBA Thuận Bắc	T1			25	110/22

TT	Tên trạm biến áp	MBA	Hiện tại		Quy hoạch	
			Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)	Quy mô (MVA)	Điện áp (kV)
		T2			25	110/22
7	TBA Ninh Phước	T1	25	110/22	63	110/22
		T2	25	110/22	63	110/22
8	TBA Ninh Thuận 1	T1	25	110/22	40	110/22
		T2			40	110/22
9	TBA Thuận Nam	T1			40	110/22
		T2				
10	TBA Phước Nam	T1			40	110/22
		T2				
11	TBA KCN Cà Ná	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
12	TBA KCN Cà Ná 1	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
13	TBA KCN Cà Ná 2	T1			63	110/22
		T2			63	110/22
14	TBA Mũi Dinh	T1			40	110/22
		T2			40	110/22
		T3			63	110/22
15	TBA Nam Cương	T1			63	110/22
		T2				
16	TBA Ninh Sơn	T1	25	110/22	40	110/22
		T2	25	110/22	40	110/22
17	TBA Bắc Hải	T1			25	110/22
		T2				
18	TBA Hoà Sơn	T1			40	110/22
		T2				
19	TBA NMDG Phước Dinh	T1			50	35/110
		T2				

C. Phương án phát triển công trình đường dây

STT	Tên đường dây	Tiết diện tương đương (mm ²)		Quy mô	
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
I	Đường dây 500kV				
1	TBKHH Cà Ná-Thuận Nam			2	30
2	TBKHH Cà Ná-Bình Dương 1			2	280

STT	Tên đường dây	Tiết diện tương đương (mm ²)		Quy mô	
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
3	Vân Phong-Thuận Nam			2	157
4	Thuận Nam-Chơn Thành			2	308
5	Ninh Sơn-Rẽ Thuận Nam-Chơn Thành			4	2
6	TĐTN Bắc Ái-Ninh Sơn			2	25
7	TBK Cà Ná-Ninh Sơn			1	40
8	ĐGNK Bình Thuận 1-Thuận Nam (*)(**)			2	50
9	ĐGNK Bình Thuận 3-Rẽ TBK Cà Ná-Thuận Nam (*)(***)			2	15
10	Ninh Sơn - Rẽ NĐ Vân Phong 1 - Thuận Nam			4	18
11	Ninh Sơn - Chơn Thành			2	275
12	TĐTN Phước Hòa - Rẽ TĐTN Bắc Ái - Ninh Sơn (**)			2	12
II	Đường dây 220kV				
1	Nha Trang-Tháp Chàm			2	88.6
2	Trạm cắt Đa Nhim-Đức Trọng-Di Linh			2	85
3	Tháp Chàm-Trạm cắt 220kV Đa Nhim			2	46
4	Đức Trọng-Rẽ Trạm Cắt 220kV Đa Nhim-Di Linh			2	0.5
5	ĐMT Phước Thái-Rẽ Vĩnh Tân-Tháp Chàm (mạch 2)			2	2.5
6	500 KV Ninh Sơn-Rẽ Tháp Chàm- Ninh Phước			4	22
7	500kV Ninh Sơn-Ninh Phước			2	35
8	500kV Ninh Sơn-Trạm cắt 220kV Đa Nhim			2	18
9	500kV Vĩnh Tân-Cà Ná			2	14
10	Ninh Phước-500kV Thuận Nam			2	25
11	Trạm cắt 220 kv Đa Nhim-rẽ Tháp Chàm-Đa Nhim.			2	1
12	ĐMT Phước Trung-Rẽ Nha Trang-Tháp Chàm (*)			2	0.4
13	ĐMT Phước Hữu 2-220kV Ninh Phước (*)			1	2
14	ĐMT Phước Hữu 2 - 500 kV Vĩnh tân			2	32.5

STT	Tên đường dây	Tiết diện tương đương (mm ²)		Quy mô	
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
15	ĐG Bim - trạm cắt 220 kV Quán Thê			1	3
16	ĐG số 5 Ninh Thuận - Ninh Phước (*)			2	2
17	ĐMT Thiên Tân 2.1 - Rẽ Tháp Chàm - ĐMT Mỹ Sơn Hoàn Lộc Việt			2	0.5
18	ĐGNK Ninh Thuận 3-500KV Thuận Nam			2	20
19	ĐGNK Ninh Thuận 4-Tháp Chàm			2	23
20	Xây dựng đường dây mạch kép 220kV từ Trạm biến áp 35/220kV			1	1
21	Xây dựng đường dây 220kV mạch đơn từ TBA 220kV Đông Quán Thê			1	6.5
22	Hàm Thuận Nam-Rẽ Phan Thiết-Hàm Tân 4x3,5 Xây mới, đấu nối TBA 220 kV Hàm Thuận Nam			4	3.5
23	Hàm Cường-Hàm Thuận Nam			2	7
24	TĐ Đa Nhim mở rộng - TĐ Đa Nhim			1	0.1
25	Đường dây 4 mạch đấu nối thanh cái 220kV TBA 500kV Thuận Nam			4	25
26	Đường dây 220kV mạch kép 220kV Ninh Phước - Vĩnh Tân			4	35
III	Đường dây 110kV				
III.1	Xây dựng mới				
1	Nhánh rẽ 110 kV TBA TiTan (Phước Nam)		ASCR 300	2	1.5
2	Nhánh rẽ 110 kV TBA Nam Cương		ASCR 300	2	8.5
3	Nhánh rẽ 110kV Thuận Bắc-110kV Ninh Hải-Cam Ranh		ASCR 300	2	1.5
4	ĐZ 110kV cấp điện TBA Mỹ Phong		ASCR 300	2	14
5	110kV Nam Cương-220kV Ninh Phước-Ninh Thuận 1		ASCR 300	2	8.5

STT	Tên đường dây	Tiết diện tương đương (mm ²)		Quy mô	
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
6	Nhánh rẽ trạm 110kV Thuận Bắc (ACSR-240)		ASCR 300	2	1.5
7	Ninh Phước 2 220kV-Ninh Thuận 1.		2xASCR 300	2	8
8	Nhánh rẽ 110kV TBA Thuận Nam		ASCR 300	2	1.5
9	Nhánh rẽ 110kV TBA Du Long		ASCR 240	2	1.5
10	Nhánh rẽ 110kV TBA Bình Tiên		2xASCR 240	2	9
11	Nhánh rẽ 110kV TBA Mũi Dinh		2xASCR 300	2	12
12	Xây dựng DZ 110kV KCN Cà Ná 1		ASCR 300	2	4.5
13	Xây dựng mới mạch 2 ĐD 110kV Tháp Chàm 2 - Ninh Phước		ASCR 300	2	44.5
14	Xây dựng mới mạch 2 ĐD 110kV Ninh Phước - Phan Rí dài		ASCR 300	2	22
15	Xây dựng mới đường dây 110kV đầu nối TBA 110kV NMDG Phước Dinh		ASCR 330	2	8
1	Nhánh rẽ 110kV TBA Bắc Ái		2xASCR 240	2	25
2	Trạm 220kV Tháp Chàm - Ninh Hải			2	25
3	Trạm 220kV Tháp Chàm-Cam Thịnh Đông			2	1.5
4	Trạm 220kV Tháp Chàm-Cam Thịnh Đông			2	1.5
5	DZ 110kV cấp điện TBA 110kV Bắc Ái			2	25
6	Nhánh rẽ 110kV Quảng Sơn		2xACSR-240	2	5.5
7	DZ 110kV cấp điện TBA 110kV Hòa Sơn			2	15
III.2	Cải tạo, nâng tiết diện				
1	Cải tạo đường dây 2 mạch rẽ nhánh vào Trạm biến áp 110kV Ninh Thuận 1	AC-300	2xACSR300	2	5

STT	Tên đường dây	Tiết diện tương đương (mm ²)		Quy mô	
		Hiện có	XDM hoặc sau cải tạo	Số mạch	Chiều dài dự kiến (km)
2	Trạm 220kV Tháp Chàm-Ninh Hải-Nam Cam Ranh	ACSR185/29+ACSR336.4MCM	2xACSR-240	2	6
3	Trạm 220 kV Tháp Chàm - Cam Thịnh Đông	ACSR185/29+ACSR336.4MCM	2xACSR-240	2	1.5
4	Cải tạo nâng khả năng tải đường dây 110kV 175 Đa Nhim - 173 Tháp Chàm 2 từ dây ACSR-185/29 & ACSR-336,4MCM thành 2xACSR/Mz-240, dài khoảng 50,03km.	173 Tháp Chàm 2 từ dây ACSR-185/29 & ACSR-336,4	2xACSR/Mz-240	2	50.3
5	Cải tạo nâng khả năng tải đường dây 110kV Đa Nhim - Hạ Sông Pha - Ninh Sơn - Tháp Chàm từ dây ACSR-185+ACSR336,4MCM thành 2xACSR-240, dài khoảng 41,81km.	ACSR-185+ACSR336,4MCM	2xACSR-240	2	41.81
6	Cải tạo đường dây 110kV Tháp Chàm - Ninh Phước	ACSR-185/29	ACSR-300	1	17
7	Cải tạo, nâng khả năng tải đường dây 110kV Ninh Phước - Phú Lạc từ	ACSR-185/29	ACSR-300	1	15

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án phát triển nguồn điện trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Việc đầu tư xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quy mô các TBA và chiều dài đường dây 110 kV được xác định cụ thể tại các bước tiếp theo.

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN SIÊU THỊ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên dự án	Quy mô
I	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	
1	Trung tâm thương mại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm	Hạng II
2	Hệ thống Siêu thị khu vực các phường	Hạng III
II	Huyện Thuận Nam	
3	TTTM thuộc huyện Thuận Nam	Hạng I
4	Siêu thị thuộc địa bàn huyện Thuận Nam	Hạng II
III	Huyện Ninh Phước	
5	Siêu thị thuộc địa bàn Ninh Phước	Hạng III
IV	Huyện Thuận Bắc	
6	Siêu thị thuộc địa bàn huyện Thuận Bắc	Hạng III
V	Huyện Ninh Sơn	
7	Siêu thị thuộc địa bàn huyện Ninh Sơn	Hạng II
VI	Huyện Ninh Hải	
8	Siêu thị thuộc địa bàn huyện Ninh Hải	Hạng III
VII	Huyện Bác Ái	
9	Siêu thị thuộc địa bàn huyện Bác Ái	Hạng III

Phụ lục VIII
DANH MỤC ƯU TIÊN CÁC HỒ THỦY LỢI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên hồ	Địa điểm xây dựng
	Nâng cấp các hồ hiện có	
1	Hồ Đa Mây	Huyện Bác Ái
2	Hồ Ô Cắm	Huyện Bác Ái
3	Hồ Ma Núi	Huyện Ninh Sơn
4	Hồ Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn
5	Hồ Suối Cát	Huyện Ninh Sơn
6	Hồ Tâm Ngân	Huyện Ninh Sơn
7	Hồ Đồng Nha	Huyện Thuận Bắc
8	Hồ Thái An	Huyện Ninh Hải
9	Hồ rẽ quạt	Huyện Ninh Hải
10	Hồ Suối sâu	Huyện Ninh Hải
11	Hồ Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
12	Hồ Bãi hời	Huyện Ninh Hải
13	Hồ Suối So	Huyện Ninh Phước
14	Hồ Đá Đen	Huyện Thuận Nam
15	Hồ chứa nước Trà Van	Huyện Thuận Nam
16	Hồ chứa nước Tân Giang 2	Huyện Thuận Nam
17	Hồ chứa nước Phước Hà	Huyện Thuận Nam
18	Hồ Tân Mỹ 2	Huyện Ninh Sơn
19	Hồ Sông Than	Huyện Ninh Sơn
20	Hồ Kiên Kiên	Huyện Thuận Bắc

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Các nhà máy nước	Số lượng (công trình)
A	Cấp nước đô thị	19
I	Cải tạo, nâng cấp	05
I.1	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	01
I.2	Huyện Bác Ái	01
I.3	Huyện Thuận Bắc	01
I.4	Huyện Ninh Sơn	01
I.5	Huyện Ninh Phước	01
II	Xây dựng mới	14
II.1	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	01
II.2	Huyện Bác Ái	04
II.3	Huyện Thuận Bắc	03
II.4	Huyện Ninh Sơn	03
II.5	Huyện Thuận Nam	01
II.6	Huyện Ninh Phước	01
II.7	Huyện Ninh Hải	01
B	Cấp nước nông thôn	24
I	Nâng cấp, cải tạo	24
I.1	Huyện Thuận Bắc	04
I.2	Huyện Ninh Hải	05
I.3	Huyện Bác Ái	04
I.4	Huyện Ninh Sơn	01
I.5	Huyện Ninh Phước	07

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
1	Khu xử lý núi Chà Bang, xã Phước Nam	Huyện Thuận Nam
2	Khu xử lý xã Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
3	Khu xử lý xã Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn
4	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Phước Đại	Huyện Bác Ái
5	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
6	Bãi chôn lấp hợp vệ sinh xã Phước Hữu	Huyện Ninh Phước
7	Nhà máy xử lý chất thải rắn xã Phước Thái	Huyện Ninh Phước

Ghi chú: Ngoài ra, đất bãi thải, xử lý rác, lò đốt rác nhỏ, lẻ khác sẽ được bố trí thêm tại các quy hoạch cấp huyện, cấp xã. Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án số được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
	Xây dựng mới	
1	Nhà tang lễ (2 cơ sở)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Nghĩa trang Chung Mỹ (Nhà hỏa táng)	Huyện Ninh Phước
3	Nghĩa trang Cà Ná	Huyện Thuận Nam
4	Nghĩa trang huyện Ninh Hải (Núi Quýt)	Huyện Ninh Hải
5	Nghĩa trang Hồ Ông Kinh	Huyện Ninh Hải
6	Nghĩa trang Hòn Giài	Huyện Ninh Sơn
7	Nghĩa trang huyện Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	Văn hoá - TDTT	
A	Văn hoá	
<i>a</i>	<i>Hiện có</i>	
1	Trung tâm biểu diễn văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
2	Mở rộng Đài tưởng niệm liệt sỹ huyện	Huyện Bác Ái
3	Đền Tà Lú-Ma Ty	Huyện Bác Ái
4	Mở rộng di tích bẫy đá Pi Năng Tắc	Huyện Bác Ái
5	Khu di tích lịch sử Trại tập trung Bà Râu	Huyện Thuận Bắc
6	Tỉnh xá Ngọc Lộ	Huyện Ninh Sơn
7	Khu bảo tồn văn hóa Raglai	Huyện Bác Ái
8	Khu bảo tồn văn hóa Chăm	Huyện Ninh Phước
9	Nâng cấp Nhà bảo tàng tỉnh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
<i>b</i>	<i>Quy hoạch mới</i>	
1	Trung tâm VH TT đa năng huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
2	Bia tưởng niệm di tích lịch sử sự kiện thảm sát Ấp Nam năm 1947	Huyện Ninh Phước
3	Tượng đài Chiến Thắng	Huyện Thuận Bắc
4	Các công trình văn hóa các huyện, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	Các huyện, thành phố
5	Nhà thiếu nhi	Các huyện, thành phố
II	Thể thao	
<i>a</i>	<i>Hiện có</i>	
1	Nâng cấp Sân vận động tỉnh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
<i>b</i>	<i>Quy hoạch mới</i>	
1	Trung tâm TDTT và nhà thi đấu đa năng tỉnh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
2	Dự án sân Golf	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Bác Ái	Huyện Bác Ái
4	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Ninh Hải	Huyện Ninh Hải
5	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Ninh Phước	Huyện Ninh Phước
6	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
7	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
8	Xây dựng Trung tâm TDTT cấp huyện và cấp xã thuộc huyện Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn

Phụ lục XIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU DỊCH VỤ DU LỊCH
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	khu quy hoạch	Địa điểm
1	Phát triển các dự án khu nghỉ dưỡng cao cấp từ Bình Tiên - Bãi Thùng	Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Hải.
2	Phát triển các dự án Khu du lịch sinh thái, cáp treo đỉnh Núi Chúa, du lịch khám phá, phát triển khu đô thị du lịch, thương mại và các mô hình du lịch cộng đồng tại các Khu vực Vĩnh Hy và Vườn Quốc gia Núi Chúa	Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Hải.
3	Phát triển các dự án khu du lịch sinh thái, bảo tồn bền vững cảnh quan tự nhiên và tham quan từ Hang Rái, Thái An đến Mỹ Hòa.	Huyện Ninh Hải.
4	Phát triển các dự án du lịch trải nghiệm kết hợp thể thao và khu đô thị tại Thanh Hải	Huyện Ninh Hải.
5	Phát triển các dự án du lịch khám phá, du lịch văn hóa, kết hợp vui chơi giải trí, di sản, sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu ven biển Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và Đầm Nại; Phát triển các khu đô thị, du lịch kết hợp bến du thuyền tại Đầm Nại	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Huyện Ninh Hải.
6	Phát triển các dự án các khu đô thị du lịch, khu du lịch tham quan, trải nghiệm các khu vực cảnh quan độc đáo như động cát Nam Cương, cánh đồng điện gió, rong biển tại Khu vực Nam Sông Dinh	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Huyện Ninh Phước.
7	Phát triển các dự án tổ hợp du lịch dịch vụ, du lịch trải nghiệm, nghỉ dưỡng vui chơi, tham quan khai thác địa hình độc đáo tại khu vực Mũi Dinh.	Huyện Thuận Nam
8	Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng, trải nghiệm, di sản văn hóa và khám phá độc đáo cát - muối - biển tại Khu vực phía Nam từ Mũi Dinh đến Cà Ná.	Huyện Thuận Nam
9	Phát triển các dự án du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, di sản.	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Huyện Ninh Phước.
10	Phát triển các dự án du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái rừng - thác và săn bắn bán hoang dã	Huyện Bác Ái, Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Bắc

Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN MỞ RỘNG, ĐẦU TƯ MỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO,
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục	Cơ sở/Địa điểm
I	Khối cơ sở giáo dục - đào tạo	
1	Khối THPT (Nâng cấp, cải tạo)	các huyện/thành phố
2	Khối liên cấp THCS-THPT (Nâng cấp, cải tạo)	các huyện/thành phố
3	Khối THPT hoặc liên cấp THCS-THPT	Huyện Thuận Bắc, Huyện Thuận Nam
4	Nâng cấp, mở rộng Phân hiệu Đại học Nông Lâm	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm - Huyện Ninh Hải
II	Khối giáo dục nghề nghiệp	
1	Duy trì hoạt động	Huyện Ninh Sơn, Huyện Ninh Phước, Huyện Thuận Bắc
1.1	Trường Cao đẳng nghề Ninh Thuận (Đầu tư cơ sở vật chất theo trường trọng điểm)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
1.2	Trung tâm GDNN-GDTX cấp tỉnh (đầu tư cơ sở vật chất hiện đại)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
1.3	Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện, liên huyện (đầu tư cơ sở vật chất hiện đại)	Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Bắc, Huyện Ninh Phước
2	Xây dựng mới trung tâm GDNN-GDTX	Huyện Bác Ái, Huyện Thuận Nam

Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
<i>a</i>	<i>Hiện có</i>	
1	Trung tâm Y tế TP. Phan Rang - Tháp Chàm	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Trung tâm Y tế Huyện Ninh Hải	Huyện Ninh Hải
3	Trung tâm Y tế Huyện Ninh Phước	Huyện Ninh Phước
4	Trung tâm Y tế Huyện Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
5	Trung tâm Y tế Huyện Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
6	Trung tâm Y tế Huyện Bắc Ái	Huyện Bắc Ái
7	Trung tâm y tế Huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
8	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh - Cơ sở 2	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
9	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
10	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần tỉnh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
11	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Huyện Ninh Phước
12	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế thành trường Cao đẳng Y tế	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
13	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
<i>b</i>	<i>Quy hoạch mới</i>	
14	Xây dựng quy hoạch vị trí mới Bệnh viện Y Dược cổ truyền	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
15	Xây dựng mới Bệnh viện Sản - Nhi	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
16	Xây dựng mới Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CƠ SỞ TRỢ GIÚP AN SINH XÃ HỘI
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021-2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Danh mục	Cơ sở/Địa điểm
1	Trung tâm công tác xã hội (cơ sở 1) Nâng cấp cải tạo	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Trung tâm công tác xã hội (cơ sở 2) Nâng cấp cải tạo	Huyện Ninh Sơn
3	Trung tâm công tác xã hội (cơ sở 3) (Đầu tư xây mới)	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
4	Cơ sở cai nghiện ma túy nâng cấp, cải tạo	Huyện Ninh Sơn
5	Đầu tư xây dựng cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập	Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Nam, Huyện Ninh Hải, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

Phụ lục XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

TT	Tên KCN	Vị trí	Qui mô quy hoạch (ha)	Các ngành nghề đầu tư vào KCN
I	Các KCN phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ		1682,47	
a	Đã thành lập			
1	KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc	407,28	Các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường như lắp ráp điện tử, tin học, các ngành nghề công nghệ cao, các dự án phục vụ cho sản xuất năng lượng tái tạo; công nghệ cơ khí chế tạo máy nông, công nghiệp; công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng; dệt may, đóng bao bì sản phẩm
2	KCN Phước Nam	Huyện Thuận Nam	370	Các ngành nghề ít gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, công nghiệp điện tử, tin học, các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất các máy cơ khí, máy công nghiệp; các ngành sản xuất hàng may mặc, chế biến thủy hải sản, chế biến thực phẩm
3	KCN Thành Hải	Thành phố PRTC	77,99	
b	Thành lập mới			
4	KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam	827,2	Tập trung định hướng phát triển các nhóm ngành năng lượng mới và năng lượng tái tạo; nhóm ngành cơ khí, chế tạo máy và một số ngành công nghiệp nặng
II	Dự kiến mở rộng khi tỉnh được bổ sung quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất			
	KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam		

Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Vị trí	Quy mô khoảng (ha)	Ngành nghề hoạt động
	TỔNG CỘNG: (19 CCN)		770,04	
I	Các cụm công nghiệp đã thành lập		113,76	
1	CCN Tháp Chàm	Thành phố PRTC	23,48	Chế biến, gia công hạt điều, hạt dẻ; sản xuất, chế biến các loại giống cây trồng; chế biến các loại nông sản, thực phẩm; sản xuất bao bì giấy, sản phẩm xốp EPS; may mặc; cơ khí chế tạo; trang thiết bị nội thất, chế biến gỗ; kho bãi, dịch vụ khác
2	CCN Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn	50,28	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường như: Cơ khí và tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp sành sứ, thủy tinh; công nghiệp chế biến thực phẩm và nông, lâm sản; tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác.
3	CCN Phước Tiến	Huyện Bác Ái	40	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu bố trí các nhà máy: Sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; sản xuất nhựa xây dựng; sản xuất bột giấy và gỗ công nghiệp; chế biến thực phẩm và nông, lâm sản; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các nghề khác
4	CCN Hiếu Thiện	Huyện Thuận Nam	75	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu bố trí các nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các nghề khác
II	Các cụm công nghiệp dự kiến thành lập mới		656,28	
5	CCN Phước Đại	Huyện Bác Ái	35	Các ngành nghề chủ yếu tập trung các ngành nghề ít gây ảnh hưởng đến môi trường, bố trí các nhà máy chế biến sản phẩm nông-lâm nghiệp; các ngành công nghệ cao; các nhà máy chế biến vật liệu

				xây dựng, may mặc; công nghiệp cơ khí; tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các ngành
6	CCN Phước Tiến 1	Huyện Bắc Ái	30	Các ngành nghề: Chế tạo, sửa chữa và lắp ráp cơ khí; sản xuất vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, chế biến gỗ; dệt, may, giày da, chế biến nông lâm, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản xuất năng lượng tái tạo; công nghệ cao; dịch vụ, kho bãi; các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm, dịch vụ khác
7	CCN Tri Hải	Xã Tri Hải và xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải	30	Các ngành nghề: Chế biến thực phẩm (nông sản, thủy sản đông lạnh, đồ hộp, nước mắm, rượu vang nho, sản phẩm từ nho, táo, rong biển, ...); sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp đóng tàu
8	CCN ngành nghề nông thôn Phước Dân	Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước	20,28	Tập trung các ngành công nghiệp sạch, ít gây ảnh hưởng môi trường như: Cơ khí và tiểu thủ công nghiệp; may mặc; chế biến thực phẩm và nông sản; ngành nghề truyền thống và các ngành nghề khác.
9	CCN Lợi Hải 1	Huyện Thuận Bắc	15,58	Sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp; thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm.
10	CCN Lợi Hải 2	Huyện Thuận Bắc	33,42	Sản xuất VLXD, cơ khí, sản xuất chế biến gỗ, sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, cơ khí, tiểu thủ công nghiệp; thủ công mỹ nghệ
11	CCN Chế biến thủy sản	Xã Cà Ná, huyện Thuận Nam	17	Cụm công nghiệp thủy sản tập trung ít gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu bố trí các nhà máy chế biến thủy hải sản
12	CCN Phước Nam 1	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	50	Tập trung các ngành công nghiệp ít gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu bố trí các nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các ngành khác
13	CCN Phước Nam 2	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	50	
14	CCN Phước Nam 3	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	50	
15	CCN Phước Nam 4	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	50	
16	CCN Phước Nam 5	Xã Phước Nam, huyện Thuận Nam	50	

17	CCN Phước Minh 1	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam	75	Cụm công nghiệp chuyên ngành, tập trung các ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm hoá chất sau muối, sản xuất các sản phẩm Xút (NaOH), EDC và nguyên liệu nhựa PVC
18	CCN Phước Minh 2	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam	26	Cụm công nghiệp đa ngành, tập trung các ngành công nghiệp sản xuất: các sản phẩm từ Plastic; Mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Khai thác muối (Nghiền, tẩy rửa và tinh chế muối phục vụ cho sản xuất); Dịch vụ, kho bãi; Các ngành công nghiệp ít gây ô nhiễm, dịch vụ khác
19	CCN Phước Minh 3	Xã Phước Minh, huyện Thuận Nam	49	Tập trung các ngành công nghiệp ít gây ảnh hưởng đến môi trường, chủ yếu bố trí các nhà máy chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học; các nhà máy có công nghệ cao; công nghiệp hỗ trợ; vật liệu xây dựng; may mặc, giày da xuất khẩu; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề truyền thống và các nghề khác

Ghi chú: Quy mô, phạm vi, ranh giới và các ngành nghề hạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng các Khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục XIX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên đô thị	2021-2030
THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM		
1	TP. Phan Rang - Tháp Chàm	II
HUYỆN NINH HẢI		
2	Khánh Hải	V
3	Thanh Hải	V
4	Vĩnh Hy	V
HUYỆN THUẬN BẮC		
5	Lợi Hải	V
HUYỆN NINH PHƯỚC		
6	Phước Dân	IV
HUYỆN THUẬN NAM		
7	Phước Nam	IV
8	Sơn Hải	V
9	Cà Ná	IV
HUYỆN NINH SƠN		
10	Tân Sơn	IV
11	Lâm Sơn	V
HUYỆN BẮC ÁI		
12	Phước Đại	V
	Số lượng	12

Phụ lục XX
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
KHOÁNG SẢN TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Địa điểm quy hoạch
	Khoáng sản vật liệu san lấp
1	Huyện Ninh Sơn
2	Huyện Ninh Hải
3	Huyện Ninh Phước
4	Huyện Bác Ái
5	Huyện Thuận Bắc
6	Huyện Thuận Nam
	Khoáng sản đá chế xây dựng
1	Huyện Ninh Sơn
2	Huyện Ninh Hải
3	Huyện Ninh Phước
4	Huyện Bác Ái
5	Huyện Thuận Bắc
6	Huyện Thuận Nam
	Khoáng sản sét gạch ngói
1	Huyện Ninh Sơn
2	Huyện Ninh Phước
3	Huyện Bác Ái
4	Huyện Thuận Bắc
5	Huyện Thuận Nam
	Đá xây dựng
1	Huyện Ninh Sơn
2	Huyện Ninh Hải
3	Huyện Bác Ái
4	Huyện Thuận Bắc
5	Huyện Thuận Nam
	Cát xây dựng
1	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
2	Huyện Ninh Sơn
3	Huyện Ninh Phước
4	Huyện Bác Ái
5	Huyện Thuận Bắc
6	Huyện Thuận Nam

Ghi chú: Địa điểm dự kiến các khu mỏ thăm dò, khai thác, sử dụng không nằm trong diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ hiện có hoặc diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ dự kiến quy hoạch theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, khoáng sản.

Phụ lục XXI**CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH NINH THUẬN THỜI KỲ 2021 - 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Tổng diện tích
I	Loại đất				
1	Đất nông nghiệp	NNP	281.679	-231	281.448
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	14.650	-	14.650
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>14.650</i>	<i>-</i>	<i>14.650</i>
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN		20.982	20.982
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	123.226	-	123.226
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	40.633	-	40.633
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	24.254	-	24.254
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>18.887</i>	<i>-</i>	<i>18.887</i>
1.6	Các loại đất nông nghiệp còn lại			57.703	57.703
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	50.324	231	50.555
	<i>Trong đó:</i>				-
2.1	Đất khu công nghiệp	SKK	1.682	-	1.682
2.2	Đất quốc phòng	CQP	3.161	155	3.316
2.3	Đất an ninh	CAN	635	55	690
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT		4.008	4.008
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT		2.763	2.763
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		150	150
2.7	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		66	66
2.8	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		-	-
2.9	Đất cụm công nghiệp	SKN		770	770
2.10	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		1.380	1.380
2.11	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		998	998
2.12	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		222	222
2.13	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	4	-	4
2.14	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	302	21	323
2.15	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	182	-	182
2.16	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		-	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Tổng diện tích
2.17	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	26.657	-	26.657
	<i>Trong đó:</i>				-
-	Đất giao thông	DGT	7.168	-	7.168
-	Đất thủy lợi	DTL		8.728	8.728
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	146	-	146
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	84	-	84
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	484	-	484
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	352	-	352
-	Đất công trình năng lượng	DNL	8.146	-	8.146
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	8	-	8
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON		106	106
2.19	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD		859	859
2.20	Các loại đất phi nông nghiệp còn lại			7.833	7.833
3	Đất chưa sử dụng	CSD	3.531	-	3.531
	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng		5.464		5.464
II	Khu chức năng				-
1	Đất khu công nghệ cao	KCN		-	-
2	Đất khu kinh tế	KKT	-	43.900	43.900
3	Đất đô thị	KDT	36.553	-	36.553
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN		35.632	35.632
5	Khu lâm nghiệp	KLN		188.113	188.113
6	Khu du lịch	KDL		4.228	4.228
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT		40.633	40.633
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC		2.452	2.452
9	Khu đô thị	DTC		7.080	7.080
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM		1.380	1.380
11	Khu dân cư nông thôn	DNT		8.183	8.183

Ghi chú: Các chỉ tiêu đất tuân thủ theo chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia phân bổ trong trường hợp điều chỉnh bổ sung

Phụ lục XXII
DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
THỜI KỲ 2021 - 2030

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HDDND ngày 12 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

A. DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	GIAO THÔNG	
1	Đường cao tốc Bắc Nam phía đông (đoạn qua tỉnh)	Các huyện, Thành phố
2	Đường sắt nối từ Cảng Cà Ná đến ga Cà Ná	Huyện Thuận Nam
3	Xây dựng đường gom dọc theo tuyến đường sắt Bắc Nam và các công trình phụ trợ để xóa lối đi tự mở	Các huyện: Thuận Nam, Ninh Phước, Ninh Sơn, Thuận Bắc
4	Đường tránh QL 27	Huyện Ninh Sơn
5	Cải tạo, nâng cấp QL 27	Huyện Ninh Sơn
6	Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (ĐT.702B)	Huyện Ninh Hải, Huyện Thuận Bắc, Huyện Bác Ái và Huyện Ninh Sơn
7	Đường vành đai phía Đông Nam từ đường tỉnh 703 đến đường tỉnh 701 (ĐT.701B)	Huyện Ninh Phước và Huyện Ninh Sơn
8	Đường vành đai phía Đông Nam đoạn từ Quốc lộ 27 đến đường tỉnh 703 (ĐT.701B)	Huyện Ninh Phước
9	Đường Văn Lâm - Sơn Hải (ĐH51)	Huyện Thuận Nam
10	Đường nối từ thị trấn Tân Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận đi ngã tư Tà Năng, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (ĐT.709D)	Huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng
11	Đường giao thông kết nối Đập hạ lưu sông Dinh đến đường Hải Thượng Lãn Ông	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
12	Đường Tân Mỹ - Phước Tiến (ĐT.707B)	Huyện Ninh Sơn, Huyện Bác Ái
13	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam về thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (ĐT.705B)	Huyện Ninh Sơn, Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
14	Đường nối từ cao tốc Bắc Nam với QL1 và cảng biển Cà Ná (ĐT.709C)	Huyện Thuận Nam
15	Mở rộng đường 21/8 (QL27)	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
16	Đường tỉnh 703 kéo dài	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm và Huyện Thuận Bắc

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
17	Đường giao thông kết nối từ Cảng biển Cà Ná lên các tỉnh Nam Tây nguyên	Huyện Thuận Nam
18	Mở rộng đường 704	Huyện Ninh Hải
19	Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp Cảng Cà Ná	Huyện Thuận Nam
20	Hạ tầng cảng biển tổng hợp Cà Ná	Huyện Thuận Nam
II	LÂM NGHIỆP	
21	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Núi Chúa giai đoạn 2021-2025	Huyện Ninh Hải
22	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2021-2025	Huyện Bác Ái
23	Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam (KfW9) giai đoạn 1 tại tỉnh Ninh Thuận	Các huyện
III	THỦY LỢI VÀ THOÁT NƯỚC	
24	Hồ Ma Nởi	Huyện Ninh Sơn
25	Hồ Đồng Nha	Huyện Thuận Bắc
26	Hồ chứa nước Tân Giang 2	Huyện Thuận Nam
27	Kiên cố hóa kênh Tân Hội, Tấn Tài - đập Nha Trinh	Huyện Ninh Sơn, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
28	Xây dựng công trình liên thông cụm hồ Tân Giang - Sông Biều - Suối Lớn	Huyện Ninh Phước – Huyện Thuận Nam
29	Xây dựng đường ống tiếp nước từ Đường ống Tân Mỹ về các hồ chứa Bà Râu và Sông Trâu	Huyện Ninh Sơn – Huyện Thuận Bắc
30	Xây dựng kênh chuyển nước Tân Giang - Sông Biều	Huyện Ninh Phước
31	Hệ thống kênh tưới của Hồ chứa nước sông Than	Các huyện
32	Xây dựng đường ống tưới Hồ Sông Than và các hồ phía Nam tỉnh	H. Ninh Sơn, H. Thuận Nam các các huyện có liên quan
33	Đường ống cấp nước từ Hồ Sông Trâu đến khu du lịch phía Bắc	Huyện Thuận Bắc
34	Kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái - Tân Mỹ	Các huyện
35	Dự án chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu cho 4 tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - Tiểu dự án Ninh Thuận	Toàn tỉnh
36	Hệ thống thoát nước đô thị Phước Nam	Huyện Thuận Nam
37	Cải tạo nâng cấp Kênh tiêu cầu Ngòi	Huyện Ninh Hải
38	Cải tạo nâng cấp trục tiêu Lu I, Lu II	Huyện Ninh Phước

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
39	Cải tạo nâng cấp trục tiêu Sông Quao	Huyện Ninh Phước
40	Mở rộng hệ thống đập 19-5	Huyện Bác Ái
41	Xây dựng hệ thống tiêu khu công nghiệp Phước Nam và TT huyện Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
42	Hệ thống tiêu Nội đồng khu nuôi tôm Sơn Hải	Huyện Thuận Nam
43	Cải tạo kênh tiêu thoát lũ kết hợp nâng cao bờ bao bảo vệ khu sản xuất lúa giống Nha Hồ	Huyện Ninh Sơn
44	Kè chống sạt lở khu vực khu vực bờ sông, bờ biển	Các huyện, Thành phố
45	Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ trong bối cảnh thiếu an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu tại khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ	Toàn tỉnh
IV	Y TẾ	
46	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh - Cơ sở 2 (Bệnh viện Giao thông Vận tải Tháp chàm cũ)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
47	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện chuyên khoa Da liễu - Tâm thần tỉnh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
48	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
49	Xây mới Bệnh viện Y Dược cổ truyền	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
50	Nâng cấp, mở rộng Trường Trung cấp Y tế	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
51	Nâng cấp Trung tâm Kiểm soát Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thiết bị Y tế	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
52	Mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
53	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Mắt	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
54	Xây dựng Bệnh viện Sản Nhi	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
55	Xây dựng Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
V	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	
56	Đầu tư mở rộng Phân hiệu trường Đại học Nông lâm	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm- Huyện Ninh Hải
57	Đổi mới chương trình GD phổ thông	Toàn tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
58	Trường chuyên Lê Quý Đôn	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
59	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
60	Nâng cấp mở rộng các Trường THPT	Các huyện, Thành phố
VI	LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI	
61	Dự án Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận (giai đoạn 2 - Cơ sở 1)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
62	Xây dựng trung tâm công tác xã hội (cơ sở 3) - chăm sóc trẻ em khuyết tật nặng	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
VII	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	
63	Dự án Trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học của Trung tâm thông tin ứng dụng tiến độ khoa học và công nghệ.	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
64	Dự án xây dựng nhà quản lý kỹ thuật chuyên ngành và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đo lường của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
VIII	VĂN HÓA - TDTT	
65	Trung tâm biểu diễn văn hóa nghệ thuật tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
66	Khu bảo tồn văn hóa Raglai	Huyện Bác Ái
67	Khu bảo tồn văn hóa Chăm	Huyện Ninh Phước
68	Trung tâm TDTT và nhà thi đấu đa năng tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
69	Nâng cấp sân vận động tỉnh	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
IX	ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở	
70	Dự án cải thiện môi trường đô thị các thành phố loại 2 - hợp phần tỉnh Ninh Thuận	Toàn tỉnh Ninh Thuận
71	Dự án bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná	Huyện Thuận Nam
72	Khu công viên trung tâm đường 16 tháng 4	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm
X	HTKT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	
73	KCN Thành Hải quy mô 78ha, hiện trạng đầu tư 58ha, còn lại 20ha	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

B. DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
I	GIAO THÔNG	
1	Xây mới Đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt *	Tỉnh Ninh Thuận - tỉnh Lâm Đồng
2	Cảng tổng hợp Cà Ná (giai đoạn 2)	Huyện Thuận Nam
3	Cảng cạn Cà Ná	Huyện Thuận Nam
4	Nâng cấp sân bay Thành Sơn chuyển thành CHK lưỡng dụng	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
5	Các bến Thủy nội địa	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Huyện Ninh Hải, Huyện Ninh Phước và Huyện Thuận Nam
II	NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO	
6	Vùng sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
7	Vùng sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao An Hải	Huyện Ninh Phước
8	Vùng sản xuất tôm giống ứng dụng công nghệ cao Sơn Hải	Huyện Thuận Nam
9	Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
10	Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao An Hải	Huyện Ninh Phước
11	Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Tân Lập	Huyện Ninh Sơn
12	Vùng sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
13	Sản xuất rau Phước Tiến	Huyện Bác Ái
14	Vùng sản xuất cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao Phước Trung	Huyện Bác Ái
15	Sản xuất nho ứng dụng công nghệ cao Vĩnh Hải	Huyện Ninh Hải
16	Sản xuất nho rượu ứng dụng công nghệ cao Mỹ Sơn - Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
17	Chăn nuôi gia súc có sừng công nghệ cao Phước Ninh, Nhị Hà	Huyện Thuận Nam
18	Vùng sản xuất mía đường ứng dụng công nghệ cao Phước Thắng (Xã Phước Thắng, huyện Bác Ái)	Huyện Bác Ái
19	Vùng sản xuất mía đường ứng dụng công nghệ cao Quảng Sơn	Huyện Ninh Sơn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
20	Vùng trồng trọt công nghệ cao thuộc vùng tưới hệ thống thủy lợi Tân Mỹ; quy mô 1.100 ha tại Xuân Hải, Nhơn Sơn và Phước Trung	Huyện Ninh Hải, Huyện Ninh Sơn, Huyện Bác Ái
21	Vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn - Phước Nhơn	Huyện Ninh Sơn - Huyện Bác Ái
III	CẤP NƯỚC	
22	Nâng cấp nhà máy cấp nước Tháp Chàm quy mô 120.000 m ³ /ngày	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
23	Nhà máy nước Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
24	Nhà máy nước Cà Ná - Phước Nam	Huyện Ninh Phước
25	Nhà máy nước Phước Dân	Huyện Ninh Phước
26	Nhà máy cấp nước khu vực phía Nam tỉnh	Huyện Thuận Nam
27	Nhà máy cấp nước khu vực phía Bắc tỉnh	Huyện Thuận Bắc
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	
28	Đầu tư xây dựng trường liên cấp THCS-THPT tại KCN Cà Ná	Huyện Thuận Nam
29	Đầu tư xây dựng trường liên cấp THCS-THPT tại KCN Du Long	Huyện Thuận Bắc
V	BUU CHÍNH VIỄN THÔNG	
30	Tổng đài vệ tinh các huyện, thành phố	các huyện, Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm
VI	THOÁT NƯỚC THẢI, CHẤT THẢI RẮN VÀ NGHĨA TRANG	
31	Khu xử lý Nam Thành, thôn Kiên Kiên, xã Lợi Hải	Huyện Thuận Bắc
32	Khu xử lý núi Chà Bang, xã Phước Nam	Huyện Thuận Nam
VII	DU LỊCH	
33	Khu Du lịch Bình Tiên bao gồm sân golf	Huyện Thuận Bắc
34	Ninh Chữ Sailing Bay	Huyện Ninh Hải
35	Khu du lịch Vĩnh Hy Garden Bay	Huyện Ninh Hải
36	Dự án Khu du lịch Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
37	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Đỏ	Huyện Ninh Hải
38	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
39	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Royal Ninh Thuận	Huyện Thuận Nam
40	Khu du lịch vịnh Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
41	Khu Du lịch biển Bình Sơn - Ninh Chữ (Khu C)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
42	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Vĩnh Hy (Syrena)	Huyện Ninh Hải
43	Vĩnh Hy Resort	Huyện Ninh Hải
44	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Suối Tiên	Huyện Thuận Bắc
45	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Mũi Dinh-Cà Ná	Huyện Thuận Nam
46	Khu du lịch Mũi Dinh Eco Park và công viên nước sa mạc	Huyện Thuận Nam
47	Khu du lịch sinh thái Bãi Hồm	Huyện Ninh Hải
48	Dự án Khu Resort Vườn San Hồ	Huyện Ninh Hải
49	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Top resort (Bãi Chuối)	Huyện Ninh Hải
50	Khu dịch vụ du lịch Bãi Cóc trong - Bãi Cóc ngoài	Huyện Ninh Hải
51	Long Thuận Hotel - Villas Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải
52	Resort Spa nho, trang trại trồng nho, nhà máy rượu vang nho Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải
53	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Hời	Huyện Ninh Hải
54	Trung tâm dịch vụ du lịch Hải Long	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
55	Tổ hợp khách sạn, khu thương mại, căn hộ du lịch Dubai Tower	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
56	Khu Resort nghỉ dưỡng cao cấp tiêu chuẩn Quốc tế 5 sao kết hợp với tuyến phố thương mại ẩm thực	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
57	Khách sạn du lịch biển Điện Lực	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
58	Khu Du lịch Hoàn Cầu	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
59	Khu du lịch nghỉ dưỡng Phước Tân	Huyện Bác Ái
60	Khu du lịch sinh thái Cà Ná Star	Huyện Thuận Nam
61	Dự án Mũi Dinh Paradise Hotel Resort an Spa	Huyện Thuận Nam
62	Dự án Du lịch tại khu vực bãi đá trứng, xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
63	Khu du lịch sinh thái, cáp treo đỉnh Núi Chúa	Huyện Ninh Hải
VIII	ĐIỆN VÀ NĂNG LƯỢNG	
a	Đang triển khai hoặc đã cấp chủ trương đầu tư	
64	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.2	Huyện Thuận Nam
65	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.3	Huyện Thuận Nam

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
66	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.4	Huyện Thuận Bắc
67	Dự án điện mặt trời Phước Thái 2	Huyện Ninh Phước
68	Dự án điện mặt trời Phước Thái 3	Huyện Ninh Phước
69	Dự án điện gió Hanbaram	Huyện Thuận Bắc
70	Nhà máy điện gió Công Hải 1-giai đoạn 2	Huyện Thuận Bắc
71	Công trình Phong điện Việt Nam Power số 01	Huyện Thuận Nam
72	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận	Huyện Thuận Nam
73	Nhà máy điện gió Phước Hữu	Huyện Ninh Phước
74	Nâng công suất điện gió 7A	Huyện Thuận Nam
75	Nhà máy điện gió An Phong	Huyện Thuận Nam, Ninh Phước
76	Dự án thủy điện Tân Mỹ	Huyện Ninh Sơn
77	Thủy điện Đa Nhim	Huyện Ninh Sơn
78	Hồ thủy điện Mỹ Sơn	Huyện Ninh Sơn
b	Dự án mới	
79	Dự án điện mặt trời Phước Hữu 2 (GD 2)	Huyện Ninh Phước
80	Dự án NM Trang trại điện mặt trời Phước Trung	Huyện Bắc Ái
81	Dự án điện mặt trời Thiên Tân 2.1	Huyện Bắc Ái
82	Dự án điện mặt trời Thiên Tân 2.2	Huyện Ninh Phước
83	Nhà máy điện gió Đầm Nại 3	Huyện Ninh Hải
84	Nhà máy điện gió đầm Nại 4	Huyện Ninh Hải
85	Điện gió Tri Hải	Huyện Ninh Hải
86	Nhà máy điện gió tại Quán Thẻ	Huyện Thuận Nam
87	Nhà máy điện gió Phước Hải (vị trí 9)	Huyện Ninh Phước
88	Thủy điện Thượng Sông Ông 2	Huyện Ninh Sơn
89	Thủy điện Phước Hòa	Huyện Bắc Ái
90	Thủy điện Lâm Sơn	Huyện Ninh Sơn
91	Thủy điện TN Bắc Ái	Huyện Bắc Ái
92	Thủy điện tích năng Phước Chiến	Huyện Thuận Bắc
93	Thủy điện Hạ Mỹ Sơn	Huyện Ninh Sơn
94	Thủy điện Phước Sơn	Huyện Bắc Ái
95	Thủy Điện TN Phước Hòa	Huyện Bắc Ái
96	Thủy điện tích năng Cá Ná	Huyện Thuận Nam
97	Thủy điện tích năng Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
98	ĐGNK Ninh Thuận	Tại các khu vực vùng tiềm năng biển ngoài khơi tỉnh Ninh Thuận
99	Điện LNG Cà Ná	Huyện Thuận Nam
100	Trạm biến áp Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
101	Trạm biến áp Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
102	Các trạm và đường dây 500KV	Toàn tỉnh
103	Các Trạm 220 KV	Toàn tỉnh
104	Các Đường dây 220KV	Toàn tỉnh
105	Các Trạm 110 KV	Toàn tỉnh
106	Các Đường dây 110KV	Toàn tỉnh
107	Các Trạm và đường dây 22 kV	Các huyện, Thành phố
IX	CÔNG NGHIỆP	
108	Khu công nghiệp Cà Ná	Huyện Thuận Nam
109	Khu công nghiệp Du Long	Huyện Thuận Bắc
110	Khu công nghiệp Phước Nam	Huyện Thuận Nam
111	Hạ tầng các Cụm CN	
112	Tổ hợp công nghệ xanh và hoá chất sau muối	Huyện Thuận Nam
113	Dự án chế tạo thiết bị điện gió, điện mặt trời	Huyện Thuận Nam
114	Xây dựng khu phụ trợ ngành muối và các sản phẩm sau muối	Huyện Thuận Nam
115	Nhà máy sản xuất Hydrogen, hydro xanh	Huyện Thuận Nam
116	Nhà máy sản xuất Thép xanh	
117	Nhà máy luyện Nhôm	
X	THƯƠNG MẠI	
118	Trung tâm logictis Cà Ná	Huyện Thuận Nam
119	Trung tâm Logistics Ninh Chữ	Huyện Ninh Hải
120	Trung tâm thương mại Tháp Chàm	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
121	Trung tâm thương mại huyện Thuận Nam	Huyện Thuận Nam
122	Siêu thị các huyện, thành phố	các huyện, thành phố
123	Trung tâm thương mại tại lô đất có ký hiệu CC-01 (Khu K2)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
124	Dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ, xã Phước Diêm	Huyện Thuận Nam
125	Khu thương mại dọc QL 1A đối diện Trung tâm hành chính huyện	Huyện Thuận Bắc
126	Trạm dừng chân Hanbaram	Huyện Thuận Bắc
127	Tổng kho xăng dầu Cà Ná	Huyện Thuận Nam
XI	ĐÔ THỊ VÀ NHÀ Ở	
128	Dự án nhà ở thương mại (căn hộ liền kề) tại Khu đô thị Bồ Sông Dinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
129	Dự án nhà ở thương mại (căn hộ liền kề) tại Khu đô thị mới Phủ Hà	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
130	Khu đô thị Bồ Bắc sông Dinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
131	Khu đô thị mới Đông Nam 1	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
132	Khu đô thị mới Đông Nam 2	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
133	Khu đô thị mới Đông Bắc (khu K3)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
134	Khu đô thị mới Đông Văn Sơn-Bắc Bình Sơn	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
135	Khu đô thị mới Tây Bắc	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
136	Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
137	Khu đô thị khu vực Sân bay Thành Sơn	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
138	Khu đô thị mới phía Nam đường Phan Đăng Lưu	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
139	Khu đô thị Bờ Sông Dinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
140	Khu đô thị mới Phủ Hà	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
141	Khu dân cư kênh Chà Là, phường Đài Sơn	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
142	Khu dân cư Bình Sơn Phường Mỹ Bình	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
143	Khu đô thị mới Bắc Trần Phú 2, phường Phủ Hà	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
144	Khu dân cư bến xe Nam, Phường Tấn Tài	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
145	Khu dân cư Phước Mỹ 1, phường Phước Mỹ	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
146	Khu dân cư chợ nông sản Phan Rang, phường Tấn Tài	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
147	Khu dân cư Phủ Hà (phía Bắc đường Trần Phú)	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
148	Khu đô thị mới Mỹ Phước 1	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
149	Khu dân cư chính trang phường Phước Mỹ	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
150	Khu trung tâm hành chính Bảo An	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
151	Khu dân cư Gò 31 phường Đông Hải	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
152	Khu dân cư Thành Hải 1	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
153	Cải tạo chỉnh trang Khu dân cư Yên Ninh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
154	Khu đô thị mới Phước Mỹ 2	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
155	Hạ tầng khu phố Đông Hải	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
156	Khu đô thị mới Tân Hội xã Thành Hải và phường Văn Hải	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
157	Khu đô thị mới phía Bắc kênh Chà Là	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
158	Khu đô thị dịch vụ sinh thái phía Nam Sông Dinh	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
159	Khu đô thị mới Tấn Tài	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm
160	Khu đô thị du lịch Đầm Nại	Huyện Ninh Hải
161	Khu đô thị nhà vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại 1	Huyện Ninh Hải
162	Khu đô thị nhà vườn phát triển mới phía Tây Nam Đầm Nại 2	Huyện Ninh Hải
163	Khu du lịch nhà vườn - trồng cây ăn quả	Huyện Ninh Hải
164	Khu đô thị Thanh Hải 2	Huyện Ninh Hải
165	Chỉnh trang làng du lịch Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
166	Khu đô thị du lịch Vĩnh Hy	Huyện Ninh Hải
167	Khu đô thị mới Tây Bắc núi Đá Chồng	Huyện Ninh Hải
168	Khu đô thị mới Khánh Hải	Huyện Ninh Hải
169	Khu đô thị mới Tri Hải	Huyện Ninh Hải
170	Phát triển các khu đô thị, du lịch kết hợp bến du thuyền tại Đầm Nại	Huyện Ninh Hải
171	Khu dân cư mới dọc tỉnh lộ 704, thuộc khu phố Cà Đú	Huyện Ninh Hải
172	Khu đô thị mới Núi Đá chông	Huyện Ninh Hải
173	Khu dân cư thị trấn Khánh Hải	Huyện Ninh Hải
174	Khu dân cư dọc đường 3/2 xã Tân Hải	Huyện Ninh Hải
175	Khu dân cư Thủy lợi xã Tân Hải	Huyện Ninh Hải
176	Khu dân cư Đồng Miếu xã Hộ Hải	Huyện Ninh Hải
177	Khu dân cư Phương Cựu 3 xã Phương Hải	Huyện Ninh Hải
178	Khu đô thị mới Khánh Hải - khu đất sân vận động	Huyện Ninh Hải
179	Khu dân cư Mỹ Tân	Huyện Ninh Hải

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
180	Khu dân cư Mỹ Phong	Huyện Ninh Hải
181	Khu dân Mỹ Hiệp	Huyện Ninh Hải
182	Khu đô thị Thanh Hải 1	Huyện Ninh Hải
183	Khu đô thị Thanh Hải 2	Huyện Ninh Hải
184	Khu dân cư Gò Sạn xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
185	Khu dân cư nông thôn Khánh Hội	Huyện Ninh Hải
186	Khu dân cư Mỹ Tường xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
187	Khu dân cư dọc đường TL 702 xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
188	Khu dân cư 3 Cây Dừa xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
189	Khu dân cư Ao Bầu Chùa xã Nhơn Hải	Huyện Ninh Hải
190	Khu dân cư hiện hữu thôn Thái An	Huyện Ninh Hải
191	Khu dân cư thôn Mỹ Hòa	Huyện Ninh Hải
192	Khu dân cư thôn Cầu Gãy và Đá Hang	Huyện Ninh Hải
193	Khu dân cư Ao Bầu Tró, thôn Thái An	Huyện Ninh Hải
194	Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Tân Sơn	Huyện Ninh Sơn
195	Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Tân Sơn	Huyện Ninh Sơn
196	Khu đô thị mới trung tâm thị trấn Tân Sơn	Huyện Ninh Sơn
197	Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Tân Sơn	Huyện Ninh Sơn
198	Khu đô thị mới Bắc Sông Ông	Huyện Ninh Sơn
199	Khu đô thị mới bờ Đông Sông Ông	Huyện Ninh Sơn
200	Khu đô thị Lâm Sơn	Huyện Ninh Sơn
201	Khu đô thị mới Nam Cầu Phú Quý	Huyện Ninh Phước
202	Khu đô thị mới Tám Ký, thị trấn Phước Dân	Huyện Ninh Phước
203	Khu dân cư Bình Quý, thị trấn Phước Dân	Huyện Ninh Phước
204	Khu dân cư Mỹ nghiệp, thị trấn Phước Dân	Huyện Ninh Phước
205	Khu dân cư làng nghề Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân	Huyện Ninh Phước
206	Khu dân cư Chung Mỹ, thị trấn Phước Dân	Huyện Ninh Phước
207	Khu đô thị mới phía Tây quốc lộ 1A	Huyện Ninh Phước
208	Khu đô thị mới An Hải	Huyện Ninh Phước
209	Khu đô thị mới Đầm Cà Ná (Phía Nam đường Ven biển)	Huyện Thuận Nam
210	Khu đô thị mới phía Tây Quốc lộ 1A	Huyện Thuận Nam
211	Khu đô thị mới phía Đông Quốc lộ 1A	Huyện Thuận Nam
212	Khu đô thị mới Trung tâm hành chính huyện	Huyện Thuận Nam
213	Khu dân cư nông thôn mới Trung tâm hành chính xã Phước Nam	Huyện Thuận Nam
214	Khu dân cư nông thôn mới TTHC xã Phước Nam (Khu phía Nam đường Văn Lâm - Sơn Hải)	Huyện Thuận Nam
215	Khu dân cư Sơn Hải	Huyện Thuận Nam

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
216	Khu đô thị mới khu vực xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
217	Khu đô thị ven biển phía Bắc xã Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
218	Khu dân cư nông thôn mới Sơn Hải	Huyện Thuận Nam
229	Khu dân cư nông thôn mới Phước Lập Tam Lang	Huyện Thuận Nam
220	Khu dân cư Kiên Kiên 2	Huyện Thuận Bắc
221	Khu dân cư phía Tây thôn Kiên Kiên 1	Huyện Thuận Bắc
222	Khu dân cư phía Bắc Khu công nghiệp Du Long	Huyện Thuận Bắc
223	Khu dịch vụ phía Đông Bắc Quốc lộ 1A	Huyện Thuận Bắc
224	Mở rộng khu dân cư phía Nam Trung tâm hành chính huyện	Huyện Thuận Bắc
225	Mở rộng khu dân cư thôn Bà Râu 1,2	Huyện Thuận Bắc
226	Mở rộng khu dân cư phía Bắc Trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc	Huyện Thuận Bắc
227	Khu dân cư Ân Đạt	Huyện Thuận Bắc
228	Khu tương mại dịch vụ phía Bắc TTHC huyện	Huyện Thuận Bắc
229	Khu thương mại dịch vụ phía đông QL 1A	Huyện Thuận Bắc
230	Nhà ở xã hội TTHC huyện	Huyện Thuận Bắc
231	Khu dân cư thương mại Tà Lú 1 xã Phước Đại	Huyện Bắc Ái
232	Khu dân cư khu F trung tâm huyện	Huyện Bắc Ái
233	Khu dân cư nông thôn mới khu D trung tâm huyện Bắc Ái	Huyện Bắc Ái
234	Khu dân cư nông thôn mới Mã Tiền	Huyện Bắc Ái
235	Các khu dân cư Trung tâm huyện	Huyện Bắc Ái
XII	THỂ THAO	
236	Sân Golf tại hồ Trà Co	Huyện Bắc Ái
237	Sân Golf tại hồ Ma Trai và hồ Sông Trâu	Huyện Thuận Bắc
238	Sân Golf Mũi Dinh	Huyện Thuận Nam
239	Sân Golf Nam Sông Dinh	Huyện Ninh Phước
240	Sân Golf Đồi cát Phước Dinh	Huyện Thuận Nam
241	Sân Golf Hòn Dài- sông Dinh	Huyện Ninh Phước
242	Sân Golf khu vực huyện Ninh Sơn	Huyện Ninh Sơn
243	Sân Golf hồ Lanh Ra	Huyện Ninh Phước
244	Sân Golf khu vực Hồ Sông Than	Huyện Ninh Sơn
245	Sân tập Golf	Thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Huyện Ninh Sơn
XIV	ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN	
246	Thăm dò xác định trữ lượng đá xây dựng	Các huyện, Thành phố

STT	Danh mục dự án	Địa điểm
247	Thăm dò xác định trữ lượng sét gạch ngói	Các huyện
248	Thăm dò xác định trữ lượng cát xây dựng	Các huyện
249	Thăm dò xác định trữ lượng đá chẻ xây dựng	Các huyện, Thành phố
250	Thăm dò xác định trữ lượng vật liệu san lấp	Các huyện

Ghi chú:

* Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

* Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, có quy định đối với các dự án quy hoạch đầu tư sau năm 2030, trường hợp các địa phương hoặc nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận triển khai sớm hơn.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH NINH THUẬN XUẤT BẢN

Địa chỉ: số 450 đường Thống Nhất

Điện thoại: 0259.3822683 - Fax: 0259.3822866

Email: congbao@ninhthuan.gov.vn

Website: www.ninhthuan.gov.vn

In tại: Công ty cổ phần In Ninh Thuận